

Số: ~~4.18~~/CV-TTYT

Hiệp Hòa, ngày 17 tháng 10 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế, máy móc phục vụ chuyên môn khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa

Địa chỉ: Tổ Dân phố số , Thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Nguyễn Thế Huy- Trưởng khoa Dược-VTTBYT.

Số điện thoại: 0914.815.481. Email: ttythiephoa24007@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận tại địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa

Địa chỉ: Tổ Dân phố số , Thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đồng thời, đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam scan báo giá qua địa email: ttythiephoa24007@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: ngày 17 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2024.

Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy giặt vắt công nghiệp >60 Kg	Mô tả cụ thể tại phụ lục kèm theo- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo	01	Máy
2	Máy sấy công nghiệp ≥60 Kg	Mô tả cụ thể tại phụ lục kèm theo- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo	01	Máy
3	Nồi hấp tiệt trùng ≥ 500 lít	Mô tả cụ thể tại phụ lục kèm theo- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo	01	Máy

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại mục B trong Bảng mô tả đính kèm theo.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng.



Tạm ứng: Không.

Thanh toán: Trong vòng 30 ngày, sau khi hàng hóa được vận chuyển, lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa; Hoá đơn giá trị gia tăng (VAT), bên bán cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán theo quy định của Nhà nước.

5. Các thông tin khác:

- Yêu cầu tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản tại bảng mô tả đính kèm là yêu cầu tối thiểu của hàng hóa, các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có thể chào hàng hóa có tính năng và kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.
- Nhà cung cấp báo giá theo Mẫu báo giá tại Mục C của Bảng mô tả đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống mạng đấu thầu QG;
- Công thông TTYT Hiệp Hòa;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Bs CKII. Vũ Văn Hoàn





BẢNG MÔ TẢ ĐÍNH KÈM

1/ Máy giặt vắt công nghiệp ≥60 Kg

STT	Danh mục và tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị đề xuất đấu thầu
I.	THÔNG TIN CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 và ISO 14001
	Điện nguồn: 3 pha / 380V±10%), tần số: 50 Hz
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥40°C
	+ Độ ẩm tối đa: ≥ 80%
	Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng; thời gian bảo trì 3 tháng / lần trong suốt thời gian bảo hành
II	CÁU HÌNH CUNG CẤP
	Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn, bao gồm: 01 bộ
	Ống cấp nước nóng: 02 cái
	Ống cấp nước lạnh: 02
	Ống xả nước: 01 cái
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
III	Yêu Cầu Kỹ Thuật
1	Tính năng chung

STT	<p align="center">Danh mục và tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị đề xuất đấu thầu</p>
	Mặt trước của máy được làm bằng thép không gỉ.
	Bên trong và bên ngoài lồng giặt được làm bằng thép không gỉ 304 hoặc tương đương chống ăn mòn .
	Bên trong lồng giặt được cố định bằng con lăn giúp giảm thiểu độ rung và rút ngắn thời gian ngâm đồ. Lồng giặt được đục các lỗ chìm và đường kính các lỗ tối thiểu là 5 mm
	Kết cấu trục bi và phốt: Trục máy được làm bằng thép và được hỗ trợ bởi 2 vòng bi trong một ổ đỡ với tối thiểu 3 phốt
	Bảng điều khiển:
	Có tối thiểu 14 chương trình giặt có thể chỉnh sửa được
	Với bảng điều khiển vi xử lý, máy có khả năng lưu trữ tối thiểu 50 chương trình giặt khác nhau.
	Có ít nhất 5 tín hiệu cấp hóa chất
	Màn hình hiển thị tối thiểu 05 ngôn ngữ, trong đó có tiếng Anh
	Với chức năng lựa chọn chương trình, hệ thống điều khiển cho phép khởi động, lựa chọn và tua chương trình đơn giản bằng nút xoay.
	Có nút chọn nhanh cho những chương trình giặt thường xuyên sử dụng.
	+ Màn hình hiển thị dạng LCD, kích thước (mm) ≥ 39 chiều rộng x ≥ 60 chiều dài
	+ Màn hình có khả năng hiển thị dưới dạng chữ cái hoặc biểu tượng.
	Màn hình có khả năng hiển thị thời gian giặt còn lại, mã lỗi và trạng thái của chương trình giặt.
	Máy có chức năng hẹn giờ tự động ,khởi động chương trình giặt ở thời gian xác định. Thời gian hẹn giờ khởi động lên tới 99 giờ.
	Máy có hệ thống cân bằng đảm bảo lực vắt chính xác.
	Tốc độ động cơ được kiểm soát bằng biến tần
	Máy có ngăn cấp hóa chất đặt ở cạnh bên phải của máy ; Cấp hóa chất bằng tay hoặc tự động

STT	Danh mục và tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị đề xuất đấu thầu
	Máy có nút dừng khẩn cấp.
	Có van xả điện thường mở
	Máy có chương trình làm sạch máy đặc biệt
	Máy có chương trình khử cặn
2	Thông số kỹ thuật :
	Công suất giặt: ≥ 60 kg đồ/mé.
	Thể tích lồng giặt: ≥ 600 lít.
	Đường kính lồng giặt: ≥ 950 mm.
	Chiều sâu lồng giặt: ≤ 800 mm
	Đường kính cửa: ≥ 535 mm
	Tốc độ vắt: ≥ 630 vòng/phút
	Lực vắt: ≥ 220 G
	Công suất tạo nhiệt: ≥ 38 kW
	Tổng lượng nước tiêu thụ 1 mé ≤ 550 lít
	Độ ẩm còn lại: $\leq 60\%$
	Độ ồn khi giặt: ≤ 70 dB
	Độ ồn khi vắt: ≤ 85 dB
	Đường kết nối:
	Đường kính ống cấp nước: ≥ 20 DN (1 inch)
	Áp lực nước: Từ 2-6 bar

STT	Danh mục và tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị đề xuất đầu thầu
	Đường kính van xả: ≥ 75 mm
	Công suất xả: ≥ 170 lít/phút

2/ Máy sấy công nghiệp ≥ 60 Kg

STT	Danh mục và tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị đề xuất đầu thầu
I.	THÔNG TIN CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở đi
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 và ISO 14001
	Điện áp sử dụng: 400V/50Hz /3 pha
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ tối đa : $\geq 40^{\circ}\text{C}$
	+ Độ ẩm tối đa : $\geq 80\%$
II	CÁU HÌNH CUNG CẤP
	Máy chính: 01 máy
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
III	Yêu Cầu Kỹ Thuật
1	Tính năng chung
	Chất liệu lồng sấy: Bằng thép không gỉ.

STT	Danh mục và tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị đề xuất đấu thầu
	Lòng sấy có tính năng đảo chiều giúp giảm thiểu độ nhăn đồ vải và giảm thời gian sấy
	Máy có nút dừng khẩn cấp
	Máy sấy được trang bị bảng điều khiển vi xử lý
	Có hai loại chương trình: - Chương trình tự động - Chương trình thời gian.
	Có chức năng thể hiện tình hình trạng hoạt động của thành đốt nhiệt trong quá trình sấy giúp người vận hành theo dõi được tình trạng đốt nhiệt của máy sấy.
	Máy có chức năng: chọn thời gian sấy, chương trình sấy, nhiệt độ sấy, phù hợp cho từng loại vải giúp đồ vải bền.
	Lỗi trong chương trình hoặc trong máy được biểu thị bằng mã lỗi và hiện trên màn hình.
	Máy có chức năng theo dõi và thông báo lịch bảo trì bảo dưỡng.
	Tính năng an toàn: Máy có chức năng báo động quá nhiệt và hiện lỗi trên màn hình.
	Máy được lắp đặt 02 động cơ mô tơ: Động cơ mô tơ cho lồng sấy và động cơ mô tơ quạt
2	Thông số kỹ thuật :
	Công suất sấy: ≥ 60 kg/m ²
	Đường kính lồng sấy: ≥ 1200 mm
	Chiều sâu lồng sấy: ≤ 1000 mm
	Đường kính cửa mở: ≥ 900 mm
	Tốc độ sấy trung bình: 30 vòng/phút
	Tổng thời gian sấy: ≤ 40 phút
	Công suất tạo nhiệt: ≥ 70 kW
	Công suất mô tơ quạt: ≥ 1.1 kW

STT	Danh mục và tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị đề xuất đấu thầu
	Điện năng tiêu thụ/mẻ: ≤ 45 kWh
	Đường kính thoát khí: ≥ 315 mm
	Đường kính cửa máy: ≥ 900 mm
	Độ ồn: < 70 dB

3/ Nồi hấp tiệt trùng ≥ 500 lít

STT	Danh mục và tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị đề xuất đấu thầu
I	THÔNG TIN CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở đi
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 và ISO 13485
	Điện áp sử dụng: 380V/50Hz /3 pha
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 40^\circ\text{C}$
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP
	Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm: 01 máy
	Buồng tiệt trùng tích hợp: 01 bộ
	Bình sinh hơi tích hợp: 01 cái

	Bơm hút chân không tích hợp: 01 cái
	Bơm tăng áp tích hợp: 01 cái
	Máy nén khí tích hợp: 01 cái
	Máy quét mã vạch Barcode tích hợp: 01 cái
	File phần mềm mã vạch Barcode: 01 file
	Máy in mã vạch Barcode: 01 cái
	Máy in dữ liệu tích hợp: 01 cái
	Giấy in nhiệt: 05 cuộn
	Giá đựng dụng cụ bằng thép không gỉ: 01 cái
	Xe đẩy dụng cụ làm bằng thép không gỉ: 02 cái
	Gioăng cửa dự phòng: 02 cái
	Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt
III	Yêu Cầu Kỹ Thuật
1	Tính năng chung
	Kiểu thiết bị: khoang hấp hình chữ nhật, 2 cửa mở ngang
	Thiết bị có các chương trình tiết trùng được cài đặt sẵn các thông số phù hợp với các vật liệu khác nhau.
	Được điều khiển bởi bộ vi xử lý PLC được cài đặt sẵn phần mềm thông minh.
	Máy được sấy khô tự động và hút chân không
	Có công kết nối cho dây cơ bản
	Có thể kết nối internet không dây bằng D-Com
	Điều khiển thiết bị từ xa qua hệ thống internet
	Phân quyền người sử dụng và truy cập bằng mã vạch Barcode
	Chọn chương trình bằng máy quét mã vạch Barcode tích hợp
	Chức năng hẹn giờ cho máy tự động chạy chương trình



	Hiện thị các thông số trên màn hình cảm ứng HMI, điều khiển bằng cách chạm và thao tác trên màn hình
	Có chế độ ECO giúp tiết kiệm điện năng
2	Thông số kỹ thuật:
2.1	Buồng tiết trùng
	Dung tích: ≥ 500 lít
	Kích thước khoang hấp: \geq Rộng 660 x Cao 660 x Sâu 1.150mm
	Vật liệu inox 304 dày 5mm hoặc tương đương
	Bộ lọc khí vào có kích thước lỗ lọc $\leq 0,2 \mu\text{m}$
	Có đồng hồ đo áp suất
	Áp suất làm việc: -0.9 kg/cm^2 đến $\geq 2,4 \text{ kg/cm}^2$
	Áp suất thiết kế: $\geq 6 \text{ kg/cm}^2$
	Nhiệt độ làm việc: $50 \text{ }^\circ\text{C}$ đến $\geq 136 \text{ }^\circ\text{C}$
2.2	Bình sinh hơi
	Dung tích: ≥ 50 lít
	Vật liệu inox 304, dày 8mm hoặc tương đương
	Áp suất làm việc từ $3,0 \text{ kg/cm}^2$ đến $3,5 \text{ kg/cm}^2$
	Nhiệt độ làm việc từ: $143 \text{ }^\circ\text{C}$ đến $148 \text{ }^\circ\text{C}$
	Công suất sinh hơi $\geq 40\text{kg/giờ}$
	Cấp nước hoàn toàn tự động, kể cả khi bình đang có áp suất cao
	Có 3 cảm biến mức nước
	Đồng hồ đo áp suất
	Cảm biến áp suất
2.3	Máy in
	Tự động in các thông số trong suốt quá trình tiết trùng: tên đơn vị sử dụng, model máy, thời gian bắt đầu hoạt động ...

	<p>Loại máy in nhiệt Chiều rộng in ≥ 2inch Tốc độ in ≥ 200mm/giây</p>
2.4	<p>Máy quét mã vạch Kích thước ≥ 6inch Điện áp sử dụng 5 volt +/- 10% tại 130mA – 175mA tối đa Giao diện được hỗ trợ: IBM, cổng bàn phím, RS-232, Synapse, USB, Wan Mẫu quét: đơn tuyến Khả năng giải mã: 1D Độ sau của trường: từ tiếp điểm tới 43cm trên ký hiệu 100% U.P.C/EAN Độ phân giải tối thiểu: Chênh lệch phản xạ tối thiểu 20% Công nghệ: Laze An toàn điện: UL 60950-1, C22.2 Số 60950-1, EN 60950-1, IEC 60950-1 An toàn laze: EN 60825-1, IEC 60825-1, 21CFR1040.10</p>
2.5	<p>Máy in mã vạch Công nghệ in nhiệt gián tiếp lên ribbon mực và giấy decal Độ phân giải ≥ 203dpi (8dot/mm) Tốc độ in $\geq (2.5$cm – 10cm/giây) Khổ giấy: 108 mm Độ dài mã vạch: 5mm – 1016mm Bộ nhớ: 2MB Flash ROM, 2MB SD RAM Chuẩn mã vạch: 1D barcode : Code 39, Code 128,UCC/EAN-128, EAN-13/8, UPC-A/E 2&5 add on,Code 93, Interleave 2 of 5, Industrial 2 of 5, Matrix 2 of 5, Codabar and China Post; 2D barcode : PDF 417, Data-Matrix, QR Code and MaxiCode. Kết nối ≥ 2 giao tiếp USB 2.0 và Serial</p>

	Hỗ trợ HDH: Windows
2.6	Các chương trình tiết kiệm
	Có ít nhất 11 chương trình cài đặt sẵn, 1 chương trình tự chọn và 3 chương trình test máy bao gồm: kiểm tra Bowie Dich và Kiểm tra rò rỉ hơi nước
	Thiết bị tự động kiểm soát chu trình từ khi bắt đầu đến khi kết thúc, tự động làm khô vật hấp bằng hút chân không.
	Chương trình tự động kiểm tra lỗi trong suốt quá trình hoạt động <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ buồng tiết trùng - Áp suất bình sinh hơi - Áp suất khí nén - Máy hút chân không - Nguồn điện cung cấp - Nguồn nước cung cấp
2.7	Bộ điều khiển trung tâm
	Điều khiển bằng bộ vi xử lý trung tâm PLC
	Bước hiển thị nhiệt độ trên màn hình: $\leq 0.1^{\circ}\text{C}$
	Sai số nhiệt độ $\leq 0.3^{\circ}\text{C}$
	Bước hiển thị áp suất trên màn hình: $\leq 0.1\text{kgf/cm}^2$
	Sai số áp suất $\leq 0.1\text{kgf/cm}^2$
	Bộ CPU sẽ kiểm tra các tín hiệu đầu vào và thay đổi tín hiệu đầu ra thông qua chương trình phần mềm đã chứa các thuật toán logic, các lệnh đếm, lệnh trễ thời gian...
2.8	Thông số màn hình cảm ứng
	Loại màn hình HMI 9 inch; 65536màu
	Độ phân giải 800 x 480 pixel
	Tấm nền Led, tuổi thọ tại 25°C : 20.000 giờ
	Bàn phím: bàn phím ảo
2.9	Các thông số hiển thị

	Hiện thị các thông số: Bảng chữ, bảng số, như nhiệt độ, áp suất trên màn hình HMI.
	Hiện thị biểu đồ.
	Hiện thị các chu trình tiết kiệm: Cấp nước, hút chân không, sinh hơi, tiết kiệm, xả, sấy khô, kết thúc bằng biểu đồ và ngôn ngữ.
	Kết thúc chu trình tiết kiệm: Báo hiệu bằng âm thanh, ngôn ngữ.
	Hiện thị các cảnh báo. <ul style="list-style-type: none"> - Cửa buồng tiết kiệm chưa đóng hoặc đóng chưa đúng quy cách - Không có khí nén hoặc thiếu khí - Nước không đủ cho bình sinh hơi - Quá tải máy hút chân không - Mất pha, đảo pha, điện áp nguồn quá thấp hoặc quá cao - Cảm biến nhiệt độ bị lỗi - Cảm biến áp suất bị lỗi - Kết thúc chương trình hấp - Thiếu nước cung cấp cho máy hút chân không
2.10	Hệ thống an toàn
	Máy dừng hoạt động khi: <ul style="list-style-type: none"> - Cửa buồng tiết kiệm chưa đóng hoặc đóng chưa đúng quy cách - Không có khí nén hoặc thiếu khí - Nước không đủ cho bình sinh hơi trong chu trình tiết kiệm - Quá tải máy hút chân không - Mất pha, đảo pha, điện áp nguồn quá thấp hoặc quá cao - Cảm biến đo nhiệt độ bị lỗi - Thiếu nước cung cấp cho thiết bị hút chân không hoặc không có nước.
	Áp suất buồng sinh hơi vượt quá 3,8 kgf/cm ² van an toàn tự động mở
	Áp suất buồng tiết kiệm vượt quá 2,8 kgf/cm ² van an toàn tự động mở
	Nút khẩn cấp - bảng điện (Emergency)
	Có van xả khẩn cấp bằng cơ học (kể cả trong trường hợp bị mất điện)

Mẫu báo giá
BÁO GIÁ(1)

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị, máy móc như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị, máy móc và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS (nếu có)	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VND) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VND)
1								
2								
n	...								

(Đề nghị các nhà cung cấp gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))